

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134 /2024/DS -ST

Ngày: 20 – 8 - 2024

V/v tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long

2. Bà Châu Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-DS, ngày 25/01/2024, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐST-DS ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm : 1979

Địa chỉ : A, đường số F, Khu dân cư M, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền: Tăng Văn H1, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

+ Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm : 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản Tòa án hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H uỷ quyền anh Tăng Văn H1 trình bày: Do quen biết nên

chị H có đứng ra chơi hụi dùm chị T và cho chị T mượn tiền nhiều lần. Trong quá trình cho cho mượn và chơi hụi dùm thì chị T có trả nhưng không đầy đủ. Tính đến ngày 15/6/2023 chị H tổng hợp nợ lại thì chị T còn nợ chị H tổng cộng là 500.000.000đồng, trong đó có 225.000.000đồng là tiền nợ hụi chị H chơi dùm chị T, còn lại 275.000.000 đồng là tiền chị H cho chị T mượn chưa trả, tổng cộng 500.000.000đồng là tiền vốn gốc chị H không có tính tiền lãi trong số tiền này. Ngày 15/6/2023 chị H và chị T có làm biên nhận mượn tiền với số tiền 500.000.000đồng, thoả thuận không tính lãi suất, thời hạn trả là 01 tháng, các bên có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Tuy nhiên, sau khi làm biên nhận thì chị T không thực hiện việc trả tiền theo thoả thuận trong biên nhận nên phát sinh tranh chấp.

Nay chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền vốn 500.000.000đồng và không yêu cầu tính tiền lãi suất, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với biên nhận ngày 15/6/2023 có chữ ký tên và chữ viết họ tên của chị Nguyễn Thị T là do chị T tự ký và viết, nếu chị Nguyễn Thị T không thừa nhận thì chị T yêu cầu tiến hành giám định, chị H không có nghĩa vụ phải chứng minh và không yêu cầu giám định.

Tại bản khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và chị Nguyễn Thị Ngọc H là bạn bè, chị có nhờ chị H chơi hụi dùm chị và trong quá trình chơi hụi chị còn nợ chị H khoảng 225.000.000đồng. Việc chơi hụi là do chị H trực tiếp chơi hụi của chị Bùi Thị Như N làm chủ hụi, chơi hụi khoảng từ năm 2020 đến năm 2023 thì chị bị bể nợ nên chị N, chị H và chị có tổng kết nợ cho chị là 225.000.000đồng, lúc đó có làm biên nhận nợ 225.000.000đồng nhưng không có chị H ký tên mà chỉ có chị và chị N ký tên, hiện chị N đang giữ biên nhận đó, chị không có giữ biên nhận này và cũng không cung cấp được biên nhận cho Toà án. Chị cung cấp chứng cứ là chị N biết rõ việc chơi hụi của chị và số nợ của chị với chị H nên chị yêu cầu ghi lời khai của chị N.

Đối với biên nhận ngày 15/6/2023 chị H cung cấp có nội dung chị H cho chị mượn số tiền 500.000.000đồng và chị có ký tên và ghi họ tên của chị trong biên nhận này là không đúng, chị chỉ nợ chị H 225.000.000 đồng tiền nợ hụi, số tiền còn lại chị không có mượn hay vay gì của chị H. Chữ ký tên và ghi họ tên trong biên nhận không phải chị ký và viết. Tuy nhiên, chị xác định chị chỉ nợ chị H có 225.000.000đồng, xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng, không đồng ý trả số tiền còn lại trong biên nhận và không yêu cầu tiến hành giám định chữ ký tên ghi họ tên của chị trong biên nhận ngày 15/6/2023.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H uỷ quyền anh Tăng Văn H1 yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền 500.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bị đơn chị Nguyễn Thị T chỉ đồng ý trả số tiền 225.000.000đồng, xin mỗi tháng trả 2.000.000đồng, không đồng ý trả số tiền 275.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền là 500.000.000đồng. Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị T địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang về tranh chấp nợ vay. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thụ lý vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về nội dung khởi kiện và yêu cầu khởi kiện:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày do chị H và chị Nguyễn Thị T có quan hệ bạn bè nên chị H tin tưởng có chơi hụi dùm cho chị T và cho chị T mượn tiền nhiều lần. Thời gian đầu chị T có trả tiền đúng thời gian và đầy đủ nên chị H tin tưởng cho mượn tiếp, mỗi lần cho mượn không có làm biên nhận và hụi thì do chị H trực tiếp tham gia và đóng hụi cho chủ hụi, đến khi chị T bị bề nợ tính đến ngày 15/6/2023 tổng kết nợ thì chị T còn nợ chị H tổng cộng là 500.000.000đồng. Chị H và chị T có làm biên nhận mượn tiền vào ngày 15/6/2023 và thời hạn trả là 01 tháng, sau khi làm biên nhận này chị T không thực hiện việc trả nợ như thoả thuận trong biên nhận nợ. Chị T chỉ thừa nhận nợ chị H số tiền 225.000.000đồng là tiền hụi, số tiền còn lại 275.000.000đồng chị T không có vay mượn của chị H nên không đồng ý trả, đồng thời chị T không thừa nhận có ký tên và ghi họ tên trong biên nhận ngày 15/6/2023 và không yêu cầu giám định.

Xét thấy tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 15/6/2023, về hình thức và nội dung đều rõ ràng, ghi cùng một màu mực, không tẩy xóa, có chữ ký và ghi họ tên của người cho mượn và người mượn. Nội dung biên nhận có ghi chị Nguyễn Thị T mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 500.000.000đồng, thời hạn trả là 01 tháng, không tính lãi suất. Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc H thì do là

bạn bè nên chị có trực tiếp chơi hội dùm chị T và cho chị T mượn tiền nhiều lần và do tin tưởng nên không làm biên nhận, đến khi chị T bị bể nợ thì chị H tổng kết nợ của chị T nợ chị ngoài tiền hội là 225.000.000đồng, còn có tiền mượn nhiều lần là 275.000.000đồng, tổng cộng là 500.000.000đồng, chị T có làm biên nhận mượn tiền như trên, như vậy giữa chị T và chị H đã thống nhất phần nợ trên là tiền chị T còn nợ lại chị H. Nay chị T vi phạm việc trả nợ nên chị H yêu cầu chị T trả số tiền 500.000.000đồng là có cơ sở. Chị H cho rằng chị chỉ nợ chị H 225.000.000đồng tiền hội ngoài ra không còn nợ tiền mượn hay tiền vay nào của chị H. Tuy nhiên, chị T không cung cấp biên nhận nợ tiền hội là 225.000.000đồng và chị N là người cung cấp chứng cứ cho chị T cho rằng chị N là chủ hội và chị không có trực tiếp chơi hội với chị T và khi tổng kết nợ của chị T do chị H trực tiếp tham gia thì chị T còn nợ chị H là 225.000.000đồng tiền hội, đối với số nợ chị T nợ chị H thì chị N không biết, chị N cũng không có làm biên nhận số tiền hội là 225.000.000đồng, do đó chị T cho rằng chị chỉ nợ chị H tiền hội 225.000.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình, nên lời trình bày này là không có cơ sở. Đối với chữ ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ chị T cho rằng không phải do chị ký và ghi họ tên, nhưng chị không yêu cầu giám định chữ ký tên và họ tên của chị trong biên nhận này, do đó xem như chị T không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và mặc nhiên thừa nhận có biên nhận nợ này. Do đó, có cơ sở xác định chị T có nợ chị H số tiền 500.000.000đồng và có làm biên nhận nợ là có thật. Việc chị T chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 225.000.000đồng là nhằm tránh né việc trả nợ của mình và chị T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng không được chị H đồng ý. Xét thấy, đối với số tiền chị T phải trả cho chị H là 500.000.000đồng, chị T chỉ đồng ý trả 225.000.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Hơn nữa nguyên đơn chị H yêu cầu chị T trả số tiền 500.000.000đồng và không yêu cầu tính tiền lãi là có lợi cho chị T. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 500.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về phần thủ tục tố tụng và phần nội dung vụ án là phù hợp nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 463, 466, 468 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ các điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự
- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1/ Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu là 24.000.000đồng.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010851, ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang.

3/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Thúy